

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính
lĩnh vực Giảm nghèo thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân
xã, phường, đặc khu trên địa bàn tỉnh An Giang**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ và Nghị định số 309/2026/NĐ-CP ngày 05 tháng 8 năm 2026 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 3894/QĐ-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, bị bãi bỏ lĩnh vực Giảm nghèo thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trên địa bàn tỉnh An Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1368/TTr-SNNMT ngày 18 tháng 9 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) lĩnh vực Giảm nghèo thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trên địa bàn tỉnh An Giang (gồm: 02 TTHC).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các đơn vị có liên quan cập nhật quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh hoặc Bộ, ngành Trung ương.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát TTHC - BTP;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP. UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Viên thông An Giang (VNPT);
- Phòng Kinh tế;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Lưu: VT, nvthanh.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thanh Phong

**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
LĨNH VỰC GIẢM NGHÈO THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ, PHƯỜNG, ĐẶC KHU
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG**

(Kèm theo Quyết định số 4405 /QĐ-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

PHẦN I. DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ

STT	MÃ TTHC	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	Ghi chú
1	1.116214	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo định kỳ hằng năm theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030	
2	1.116215	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo trong năm theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030	

PHẦN II. NỘI DUNG QUY TRÌNH NỘI BỘ

1. Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo định kỳ hằng năm theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030 (Mã TTHC: 1.116214).
Thời gian xử lý: Rà soát từ ngày 01 tháng 9 đến hết ngày 14 tháng 12 hằng năm;
Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận và cấp Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo trước ngày 31 tháng 12 hằng năm.

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ kết quả
B1	Hộ gia đình có đề nghị rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT ngày 27 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn quy trình, phương pháp rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030 (Thông tư số	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	04 giờ	Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT

	25/2026/TT-BNNMT) gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã qua Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã (nộp trực tiếp, trực tuyến hoặc gửi qua đường bưu điện)			
B2	Lập danh sách hộ gia đình cần rà soát: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo phòng chuyên môn được giao thực hiện công tác giảm nghèo thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối hợp với các tổ chức, cá nhân có liên quan lập Danh sách hộ gia đình cần rà soát theo Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT, bao gồm: Hộ nghèo, hộ cận nghèo cư trú trên địa bàn cấp xã tại thời điểm rà soát; Hộ gia đình có đề nghị rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, qua rà soát theo Phiếu A (Mẫu số 2.1 Phụ lục II và Mục II Mẫu số 2.5 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT) không có điều kiện nhận dạng nhanh theo ghi chú tại cột 0 và có dưới 04 tiêu chí từ cột 01 đến cột 09 tại Phiếu A	UBND cấp xã	32 giờ	Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT
B3	Tổ chức rà soát, phân loại hộ gia đình: Thực hiện tổ chức rà soát, phân loại hộ gia đình theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT	Người thực hiện rà soát	120 giờ	Phiếu B1 Mẫu số 2.2, Phiếu B2 Mẫu số 2.3, Phiếu C Mẫu số 2.4 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư
B4	Tổ chức họp dân để lấy ý kiến về kết quả rà soát	Trưởng ấp hoặc Tổ trưởng tổ dân phố	08 giờ	Biên bản theo Mẫu số 03 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư
B5	Niêm yết, thông báo công khai Danh sách dự kiến hộ nghèo, hộ	UBND cấp xã	24 giờ	Mẫu số 04 Phụ lục I ban hành

	cận nghèo, hộ thoát nghèo sau khi rà soát theo Mẫu số 04 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư			kèm theo Thông tư
B6	- Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo - Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận Danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo; - Cấp Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo.	UBND cấp xã	40 giờ	Mẫu số 06 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư

2. Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo trong năm theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030 (Mã TTHC: 1.116215). Thời gian xử lý: Rà soát từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 8 hằng năm; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận và cấp Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo trước ngày 01 tháng kế tiếp.

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ kết quả
B1	Hộ gia đình có đề nghị rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT ngày 27 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn quy trình, phương pháp rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030 (Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT) gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã qua Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã (nộp trực tiếp, trực tuyến hoặc gửi qua đường bưu điện)	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	04 giờ	Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT
B2	Lập danh sách hộ gia đình cần rà soát: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo phòng chuyên môn được giao thực hiện công tác giảm nghèo thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối hợp với các tổ chức, cá nhân có liên quan lập Danh sách hộ	UBND cấp xã	16 giờ	Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT

	gia đình cần rà soát theo Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT, bao gồm: Hộ nghèo, hộ cận nghèo cư trú trên địa bàn cấp xã tại thời điểm rà soát; Hộ gia đình có đề nghị rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, qua rà soát theo Phiếu A (Mẫu số 2.1 Phụ lục II và Mục II Mẫu số 2.5 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT) không có điều kiện nhận dạng nhanh theo ghi chú tại cột 0 và có dưới 04 tiêu chí từ cột 01 đến cột 09 tại Phiếu A			
B3	Tổ chức rà soát, phân loại hộ gia đình: Thực hiện tổ chức rà soát, phân loại hộ gia đình theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT	Người thực hiện rà soát	32 giờ	Phiếu B1 Mẫu số 2.2, Phiếu B2 Mẫu số 2.3, Phiếu C Mẫu số 2.4 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư
B4	- Tổ chức họp dân để lấy ý kiến về kết quả rà soát. - Niêm yết, thông báo công khai (Danh sách dự kiến hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo sau khi rà soát theo Mẫu số 04 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư).	Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố	32 giờ	Biên bản theo Mẫu số 03, mẫu số 04 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư
B5	- Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo - Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận Danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo; - Cấp Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo.	UBND cấp xã	24 giờ	Mẫu số 05, mẫu số 06 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư